

# MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÁI LAN TỪ SAU KHỦNG HOẢNG ĐẾN NAY

NGUYỄN NGỌC LAN\*

Đứng trước hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 cũng như những thách thức bên ngoài khu vực và thế giới, chính phủ Thái Lan đã tiến hành điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội trên mọi lĩnh vực và thu được nhiều kết quả tốt đẹp.

Quá trình điều chỉnh này gắn liền với những chương trình, kế hoạch phát triển chung của toàn đất nước. Trước tiên phải nói đến các kế hoạch 5 năm phát triển xã hội và quốc gia của Thái Lan. Đó là *Kế hoạch phát triển xã hội và quốc gia lần thứ 8 (1997-2001)* với chủ trương xây dựng nền kinh tế Thái Lan tăng trưởng cả chất lượng và số lượng, đặt ưu tiên phát triển kinh tế trên hai mục tiêu: phát triển nguồn nhân lực và thay thế chế độ quản lý hành chính từ trên xuống dưới bằng chế độ quản lý từ dưới lên trên. *Kế hoạch phát triển lần thứ 9 (2001-2006)* chủ trương xây dựng nền kinh tế Thái Lan thành một "nền kinh tế tự chủ", trong đó xác định phát triển cân bằng thông qua việc kết

hợp các yếu tố: kiên trì, nhẫn nại, sáng suốt và cẩn trọng. *Kế hoạch phát triển xã hội và quốc gia lớn thứ 10 (giai đoạn 2006 - 2011)* với chủ trương tiếp tục phát triển nền kinh tế tự chủ, phấn đấu mang lại phúc lợi cho toàn xã hội. Kế hoạch này bao gồm 5 chiến lược phát triển thuộc các lĩnh vực khác nhau, mà trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực, thiết lập các cộng đồng kinh tế lớn mạnh, và cải tiến các biện pháp sản xuất để có thể cạnh tranh trên toàn cầu.

## 1. Điều chỉnh chính sách tài chính tiền tệ

*Thứ nhất là cơ cấu lại khu vực tài chính.* Cơ quan tái cơ cấu tài chính (FRA) đã được thiết lập tạm thời nhằm thay thế Ngân hàng Thái Lan và Bộ tài chính có vai trò là nhà đưa ra các quyết định về các vấn đề liên quan đến tái cơ cấu khu vực tài chính. Nội dung chính của chương trình này là cho phép nhiều ngân hàng tư nhân tiếp nhận các đối tác nước ngoài có

\* Ths. Nguyễn Ngọc Lan, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

dù tiềm lực đưa vốn vào Thái Lan chứ không như trước đây chỉ dành riêng cho tư bản trong nước. Điều này thúc đẩy tính cạnh tranh và hiệu quả hoạt động trong khu vực. Đồng thời chính phủ đã can thiệp vào những cơ quan tài chính yếu kém, tiến hành đóng cửa 58 công ty tài chính và ngân hàng không có khả năng tồn tại, đồng thời cam kết không trực tiếp chỉ đạo hệ thống tài chính như trước. *Thứ hai là tăng cường khả năng giám sát trong khu vực tài chính.* Bộ Tài chính Thái Lan đã tiến hành sửa đổi một số nghị định liên quan đến việc cải tổ hệ thống tài chính, điều chỉnh luật pháp để tăng cường sự giám sát và tính minh bạch của các ngân hàng ở Thái Lan, bao gồm sửa đổi Đạo luật ngân hàng Thái Lan, sửa đổi Đạo luật tiền tệ và Đạo luật các thể chế tài chính vào năm 2000. Năm 2004, Kế hoạch quản lý khu vực tài chính (Financial Sector Master Plan) ra đời với ba mục tiêu chính. Đó là cải thiện việc tiếp cận các dịch vụ tài chính; phát triển khu vực tài chính một cách có hiệu quả, ổn định, có khả năng cạnh tranh và cân đối với khu vực ngân hàng cũng như thị trường vốn; và đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng. Đồng thời Kế hoạch này cũng đặt ra những trách nhiệm mới cho Ngân hàng trung ương Thái Lan (BOT). Theo đó thì BOT có quyền giảm bớt vốn và thay đổi cung cách quản lý đối với những ngân hàng thương mại có vấn đề. *Thứ ba là thiết lập chế độ quan hệ giữa người đi vay và nhà cung cấp tín dụng một cách có hiệu quả.* Song song với quá trình này là việc hình thành Ủy ban tư vấn tái cơ cấu nợ doanh nghiệp và việc sửa đổi Đạo luật phá sản được Quốc hội thông qua vào ngày 12/3/1999, nhằm giúp các nhà đầu tư tài chính nước ngoài yên tâm hơn khi bỏ

vốn vào Thái Lan. Đạo luật này thay thế cho Luật thương mại dân sự, trong đó xác định rõ ràng hơn các thủ tục phá sản và cho phép lập các toà án riêng để xử các vụ phá sản.

## 2. Điều chỉnh chính sách thương mại

Thương mại là lĩnh vực luôn đồng hành với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của Thái Lan. Từ năm 1999, cơ cấu hình thành chính sách thương mại về cơ bản là không thay đổi. Thái Lan đang theo đuổi tự do hoá thương mại, đầu tư và coi đây là biện pháp cải thiện khả năng cạnh tranh, theo đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và xoá bỏ đói nghèo. Những cải cách trong chính sách thương mại là một phần quan trọng trong kế hoạch phát triển hai giai đoạn của chính phủ Thaksin nhằm đẩy mạnh nền kinh tế trong nước, đồng thời hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Mục tiêu chính của chính sách thương mại là tăng trưởng xuất khẩu thông qua việc đa dạng hoá thị trường và sản phẩm có giá trị cao. Chính phủ chủ trương hỗ trợ tự do thương mại và cam kết tự do hoá hệ thống thương mại đa phương, nhờ đó mà giá trị xuất nhập khẩu của Thái Lan ngày càng gia tăng. Nếu như năm 1995, tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Thái Lan mới chỉ đạt mức 70.590 triệu USD, chiếm 41,8% GDP thì đến năm 2005, con số này đã lên tới mức 129.040 triệu USD, chiếm 73,7% GDP<sup>(1)</sup>. Vai trò của nhập khẩu cũng rất quan trọng, đặc biệt là các nguyên liệu thô, các sản phẩm trung gian và sản phẩm vốn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các công ty trong nước cũng như nước ngoài. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu, năm 1998, chính phủ đã thông qua

nguyên tắc bổ sung sửa đổi Luật hải quan về việc cho phép lập ra các khu vực miễn thuế, thành lập Ủy ban tái cơ cấu thuế quan nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong khu vực. Tỷ lệ thuế quan trung bình của Thái Lan từ 17% năm 1999 đã được giảm xuống còn 15% năm 2002 và 10,7% năm 2005<sup>(2)</sup>.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài, chính phủ tiến hành sửa đổi Luật kinh doanh nước ngoài năm 1999, trong đó bãi bỏ những hạn chế về quyền tham gia của người nước ngoài trong một số lĩnh vực như luật pháp, kế toán, quảng cáo và xây dựng. Luật này cũng giảm những hạn chế về sở hữu nước ngoài đối với các công ty và sản phẩm chế tạo như xi măng, dược phẩm, rượu, dệt may và giấy dép. Ủy ban đầu tư của Thái Lan (BOI) cũng có những thay đổi về mặt chính sách nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài như: Hỗ trợ thúc đẩy đầu tư cho các công ty đang tìm kiếm vốn nước ngoài; các công ty do BOI xúc tiến được phép sở hữu đất đai phục vụ mục đích kinh doanh và làm nhà ở; người nước ngoài được phép cư trú lâu dài, ổn định nếu đầu tư một lượng vốn nhất định ở Thái Lan... Các chính sách đầu tư của BOI vẫn nhấn mạnh vào vấn đề phi tập trung hoá đối với đầu tư. Ngoài ra, BOI cũng rất quan tâm đến việc giảm thuế thu nhập cho các công ty có vốn đầu tư nước ngoài... Cuối năm 1998, Chính phủ cũng đã bổ sung Đạo luật công quản (Condominium Act) cho phép sở hữu nước ngoài không hạn chế đối với những tòa nhà được xây dựng trên diện tích lên tới 2 hecta. Năm 2000, BOI cho phép người nước ngoài sở hữu 100% cổ phiếu trong các dự án chế tạo.

### **3. Điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại**

Trong những năm gần đây, Thái Lan rất chú trọng đến chính sách tự do hoá thương mại, mở cửa thị trường, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Thái Lan đã rất hăng hái trong việc hình thành AFTA với việc đưa ra kế hoạch giảm thuế quan cho các lĩnh vực thương mại, theo đó Thái Lan sẽ hoàn tất việc cắt giảm thuế quan xuống còn 0-5% đối với các mặt hàng xuất nhập khẩu trong khu vực vào năm 2003. Thái Lan cũng đã giúp ASEAN thiết lập mục tiêu liên kết với những nước khác và khu vực khác khi chủ nghĩa khu vực hướng ngoại tăng cao. Điển hình là việc Thái Lan đã góp phần không nhỏ trong quá trình thúc đẩy định hướng hợp tác ASEAN +3 và khuôn khổ hợp tác Đông Á với mục tiêu cao nhất là xây dựng một cộng đồng Đông Á. Cụ thể là Thái Lan đã chuẩn bị Bản dự thảo hợp tác Đông Á hướng tới con đường phát triển cộng đồng Đông Á. Thái Lan đã đăng cai Cuộc họp bộ trưởng ngoại giao ASEAN +3 lần đầu tiên và Hội nghị mạng lưới chuyên gia cố vấn Đông Á thường niên lần thứ 2 với chủ đề Hướng tới cộng đồng Đông Á ngày 16 và 17/8/04. Thái Lan cũng có vai trò quan trọng trong việc đề xuất phương thức tổ chức Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) không chính thức nhằm giúp lãnh đạo các nước có thể đàm phán các vấn đề một cách rộng rãi và tự do, giúp EAS trở thành diễn đàn đàm phán có tính chất từ trên xuống dưới ("top - down") và được nhiều nước tham gia ủng hộ.

APEC, WTO là một trong những tổ chức tự do hoá thương mại khu vực mà Thái Lan đóng vai trò tích cực nhằm thúc đẩy chủ nghĩa đa phương thông qua mở

rộng chủ nghĩa khu vực. Cùng với Xingapo, Thái Lan cũng đã thuyết phục các nhà lãnh đạo ASEM tổ chức cuộc họp cao cấp đầu tiên năm 1996 tại Băng Cốc.

Sau Xingapo, Thái Lan là nước ASEAN thứ hai đang theo đuổi tích cực các FTA và chính sách “tự do hoá cạnh tranh”, trong đó cuộc khủng hoảng 1997 là nguyên nhân đầu tiên khiến chính phủ phải tìm kiếm một sự bảo đảm cho các khoản thu ngoại tệ thông qua thương mại. Chính phủ Chuan bắt đầu tìm kiếm khả năng ký kết các FTA song phương với một số nước, bao gồm Croatia và Czech, Chile và Hàn Quốc. Tuy nhiên, yếu tố lãnh đạo và mối lo lắng của chính phủ vào thời điểm đó đã không cho phép chính phủ Chuan đóng vai trò tích cực và rõ ràng trong chiến lược này. Các FTA song phương của Thái Lan bắt đầu khởi sắc kể từ khi chính phủ Thaksin. Thất bại của hội nghị bộ trưởng WTO và việc Trung Quốc gia nhập WTO đã khiến cho Thái Lan có những phản ứng của mình. Từ khi Thái Lan quan tâm đến các FTA song phương, nước này đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc đàm phán với một số đối tác thương mại. Cuối năm 2003, chính phủ Thái đã ký hiệp định tự do thương mại với Trung Quốc, Peru và Ấn Độ. FTA với Ồtxtrâyliya cũng được hoàn thành vào giữa năm 2004. Tương lai, FTA cũng sẽ được ký kết với Nhật Bản, New Zealand và Mỹ. Thái Lan cũng có dự kiến ký kết FTA với các nước khác như Hàn Quốc, Chile và thậm chí với cả EU. Như vậy, các FTA của Thái Lan hầu như đã bao trùm nhiều đối tác thương mại quan trọng của thế giới.

#### 4. Điều chỉnh chính sách công nghiệp

Thứ nhất là *Kế hoạch tổng thể tái cơ cấu công nghiệp (Industrial Restructuring Master Plan)* với mục tiêu trọng tâm là nâng cao khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm của Thái Lan trên thị trường quốc tế. Một số biện pháp cơ cấu ngành đã được chính phủ thực hiện như: phân bổ các khoản vay ưu đãi cho các ngành công nghiệp thuộc 13 lĩnh vực chính, cung cấp trợ giúp kỹ thuật thông qua các chuyên gia, và hình thành các quỹ và một số tổ chức chính phủ nhằm hỗ trợ phát triển công nghiệp. Ngân sách phân bổ để thực hiện các chương trình này lên tới 1,19 tỷ USD. Kế hoạch này cũng nhấn mạnh vào phát triển công nghệ và máy móc sản xuất, sắp xếp và di dời các ngành sử dụng nhiều lao động sang các khu vực ngoại ô và vùng xa. Riêng các chương trình giúp nâng cao năng suất và trình độ lao động cũng như lập kế hoạch sản xuất đã chiếm 9,1% tổng ngân sách của Kế hoạch.

Thứ hai là *Đánh giá và tư vấn công nghiệp*: từ đầu năm 2002, chính phủ Thaksin đã đề ra chương trình Tăng cường kinh doanh Thái (ITB) dưới sự chỉ đạo của Cục xúc tiến công nghiệp, Bộ công nghiệp. Mục đích của chương trình là cung cấp tư vấn kỹ thuật và dịch vụ cho các công ty chế tạo của Thái, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong một số trường hợp cụ thể, các công ty tham gia phải được các chuyên gia công nghiệp đánh giá. Dịch vụ đánh giá và tư vấn này rất hiệu quả đối với các công ty, do đó đã có trên 2400 công ty tham gia vào chương trình này.

Thứ ba là tiến hành *cải cách thuế quan*. Cùng với việc đẩy mạnh tự do hoá thương mại, cuối năm 1999 chính phủ đã

ban hành chương trình cải cách cơ cấu thuế quan nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong các ngành công nghiệp và đáp ứng các cam kết quốc tế. Theo quy định của AFTA, thuế nhập khẩu cần phải giảm xuống 0-5% cho 1.190 mặt hàng vào tháng 1 năm 2000. Ngoài ra, theo Hiệp định công nghệ thông tin (Information Technology Agreement - ITA), 153 mặt hàng sẽ được miễn giảm thuế nhập khẩu từ 1/1/2000 và 37 mặt hàng khác vào 1/1/2005. Chương trình cải cách này cũng tập trung vào việc cắt giảm thuế quan cho các sản phẩm vốn như máy móc, bộ phận cơ khí, thiết bị điện tử... và các nguyên vật liệu thô như dầu vào được phẩm, thực phẩm, hoá chất, nhựa và các sản phẩm dệt may. Đồng thời, chính phủ cũng bãi bỏ 10% thuế phạt nhập khẩu đối với những sản phẩm có tỷ lệ thuế trên 5%.

Thứ tư là *chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và chính sách tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước* nhằm gia tăng vai trò của khu vực tư nhân trong nền kinh tế. Chính phủ đã ban hành Dự luật thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào năm 1999, trong đó thành lập Ủy ban xúc tiến và Kế hoạch xúc tiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các SME. Ngoài ra, bộ Tài chính cũng trợ giúp tài chính cho các SME thông qua các cơ quan tài chính và ngân hàng của Thái Lan. Bộ Tài chính cũng thiết lập Quỹ vốn kinh doanh với số vốn 1 tỷ USD vay từ Ngân hàng thế giới để đầu tư cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chính phủ cũng thành lập Thị trường đầu tư có chọn lọc (Market for Alternative Investment - MAI), một dạng thị trường chứng khoán đặc biệt, ít khắt khe hơn đối với các SME. Đối với tư nhân hoá các doanh nghiệp nhà nước, chính phủ

đã tiến hành một chương trình nhanh về tư nhân hoá thông qua Kế hoạch cải cách doanh nghiệp nhà nước (Master Plan for State Enterprise Reform) đề xuất vào tháng 9 năm 1998, trong đó dự định tư nhân hoá một số ngành kinh tế có tính chất chiến lược của Thái Lan như năng lượng, nước, bưu chính viễn thông với tổng số 59 doanh nghiệp nhà nước. Chương trình tư nhân hoá các ngành kinh tế này dự tính sẽ được hoàn thành vào năm 2006. Quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước còn được hỗ trợ bởi việc ra đời của Hội đồng tư vấn về tái cơ cấu nợ doanh nghiệp (Corporate Debt Restructuring Advisory Committee) và việc cải cách Luật phá sản, trong đó có đề cập đến việc hỗ trợ thuế và các khuyến khích khác nhằm giúp các doanh nghiệp và ngân hàng tái cơ cấu lại các khoản nợ xấu.

Cuối cùng là *cải cách giáo dục*. Đạo luật giáo dục quốc gia được thông qua năm 1999 nhằm cải cách hệ thống giáo dục. Điểm nổi bật của đạo luật này là từ năm 2003, chính phủ sẽ cung cấp giáo dục cơ bản miễn phí cho tất cả học sinh cho đến hết cấp hai. Đạo luật này cũng đặt ra kế hoạch phi tập trung hoá việc quản lý giáo dục bằng cách cho phép giáo viên và các cơ quan liên quan tự do hơn trong việc lập chương trình giảng dạy và phân bổ các nguồn lực của mình. Đạo luật cũng thúc đẩy việc sử dụng thông tin và các công nghệ giáo dục khác trong tất cả các trường học. Nếu áp dụng thành công, việc cải cách sẽ dẫn nâng cao được chất lượng nguồn nhân lực và đóng góp vào khả năng cạnh tranh dài hạn của công nghiệp Thái Lan. Tuy nhiên, quá trình cải cách này tốn rất nhiều chi phí, ước tính khoảng 1,5 tỷ USD mỗi năm cho đến năm 2010.

## 5. Điều chỉnh chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn

Nông nghiệp, nông thôn và người nông dân Thái Lan đặc biệt được quan tâm kể từ khi Thaksin lên nắm chính quyền vào năm 2001. Có thể nói đây là đối tượng chính trong các chính sách phát triển kinh tế hai giai đoạn của ông. Các chính sách đó là: cung cấp tài chính nhằm kích cầu ở nông thôn và làm nhà ở cho người lao động thu nhập thấp, khơi dậy những nguồn lực chưa phát triển và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các địa phương có tiềm năng. Một yếu tố quan trọng khác là hỗ trợ các hộ gia đình có được mức tiêu dùng cao hơn. Bên cạnh đó, để đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế, chính phủ còn đề ra các giải pháp cấp bách sau: (1) Đẩy nhanh tốc độ giao đất đai cho nông dân thông qua cuộc cải cách đất đai; (2) Phân vùng sản xuất để giải quyết tình trạng sản xuất không ổn định, giảm chi phí và tổ chức tốt khâu dịch vụ hậu cần; (3) Cung cấp các loại giống khác nhau cho nông dân nhằm cải thiện chất lượng cây trồng; (4) quản lý sau thu hoạch một cách hiệu quả; và (5) Thúc đẩy và công bố các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp. Các chính sách này được thực hiện thông qua một loạt các dự án và thể chế độc đáo như: Dự án trợ giúp nông thôn; Dự án ổn định và phát triển nông nghiệp, nông thôn; Quỹ làng (the Village Fund); Ngân hàng của nhân dân; Ngân hàng phục vụ SMEs; Mỗi làng một dự án (One Tambon Project), vv...

Ngoài ra, thủ tướng Thaksin còn có kế hoạch trợ giúp cho mỗi làng Thái Lan 1 triệu bạt để góp phần xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn, dành sự chăm sóc y tế cho những người có thu nhập thấp với

mức chi phí 30 bạt cho mỗi lần khám bệnh. Đồng thời, những người nông dân không có khả năng trả nợ các món vay ngân hàng được phép hoãn trả trong khoảng thời gian 3 năm. Với mục tiêu tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp, đầu năm 2002, chính phủ Thái Lan đã dành ra 134 tỷ bạt để cải thiện toàn diện nông nghiệp trong hai năm 2002-2004, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển loại giống tốt, mở rộng tưới tiêu, phát triển công nghệ sinh học, phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt khuyến khích và cho phép nông dân tham gia trực tiếp vào các kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn.

## 6. Đánh giá quá trình điều chỉnh chính sách kinh tế của Thái Lan

Nhìn chung, nền kinh tế Thái Lan đã có những bước tiến quan trọng từ sau khủng hoảng, đặc biệt là sau 5 năm cầm quyền của thủ tướng Thaksin dưới chiến lược phát triển kinh tế hai giai đoạn của ông. Tỷ lệ tăng trưởng GDP từ mức -10,5% năm 1998 đã tăng lên 4,8% năm 2000, 6,2% năm 2004 và đến năm 2005 là 4,5%. Tỷ lệ lạm phát cũng giảm xuống nhanh chóng còn 0,3% năm 1999, 1,3% năm 2000 và 4,6% năm 2005. Cơ cấu nền kinh tế cũng có những thay đổi đáng kể, trong đó tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP giảm đi và tương ứng với nó là tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ có xu hướng ngày càng gia tăng. Về thương mại, tỷ trọng của xuất khẩu tăng từ 66,8% GDP năm 2000 lên 73,7% GDP năm 2005; nhập khẩu cũng tương tự như vậy, tăng từ 58,1% GDP lên 75,8% GDP trong cùng thời kỳ. Đầu tư trực tiếp nước ngoài sau khủng hoảng phải đối mặt với tình trạng bị rút vốn thì nay cũng đã phần nào phục hồi, đạt 835

triệu USD năm 2004 và lên tới 2.697 triệu USD năm 2005. Trong lĩnh vực tài chính, năm 2003 là năm đầu tiên sau khủng hoảng, Thái Lan đạt được mức ổn định tỷ giá hối đoái. Các khoản nợ khó đòi của Thái Lan đã giảm từ 38,6% năm 1999 xuống chỉ còn 10,9%. Về xoá đói giảm nghèo, nếu như năm 1997, Thái Lan có khoảng 8 triệu người sống dưới mức nghèo khổ, chiếm 13% dân số, đến năm 2000 do tác động của cuộc khủng hoảng, số người nghèo tăng lên 14,2% dân số thì đến năm 2002, cả nước chỉ còn 9,8% số dân sống dưới mức nghèo khổ<sup>(3)</sup>. Sở dĩ đạt được những kết quả trên là do chính phủ Thái Lan trong những năm qua đã nỗ lực tìm kiếm và áp dụng nhiều giải pháp, điều chỉnh nhiều chính sách kinh tế vĩ mô nhằm giúp nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng và phát triển trong tương lai.

So với thời kỳ Chuan Leekpai nắm chính quyền từ năm 1997 đến 2001, chính sách phát triển kinh tế của Thái Lan đã có những thay đổi lớn. Nếu như Chính phủ Chuan chủ trương khắc phục nền kinh tế khỏi khủng hoảng bắt đầu từ chính những thể chế, cơ quan tài chính và ngân hàng là nguyên nhân trực tiếp gây ra cuộc khủng hoảng thì Chính phủ Thaksin lại thiên về chính sách dân túy, lấy chủ nghĩa dân túy làm đòn bẩy để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh. Nếu như Chính phủ Chuan vì nhiều lý do (cả về kinh tế lẫn chính trị) luôn dựa vào các nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là Mỹ và các tổ chức quốc tế để cứu vãn và phát triển nền kinh tế thì Chính phủ Thaksin lại đặt mục tiêu tự lực tự cường, đứng lên bằng chính đôi chân của mình làm kim chỉ nam cho mọi chính sách phát triển. Tuy nhiên, trong bất cứ giai đoạn nào, chính phủ Thái Lan đều coi trọng vấn đề mở cửa thị trường, thu hút

đầu tư trực tiếp nước ngoài, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và quốc tế nhằm tận dụng mọi lợi thế của toàn cầu hoá cũng như thể hiện vai trò ngày càng gia tăng của mình trên trường quốc tế. Chính những cải cách kinh tế của Chính phủ Chuan mặc dù không thu được kết quả rực rỡ nhưng đã đặt nền móng cơ bản cho những thành công kinh tế của chính phủ Thaksin sau này (tất nhiên là vẫn không thể đạt được mức tăng trưởng kinh tế như trước khủng hoảng).

Trong suốt thời gian nắm quyền, Thaksin luôn chủ trương chính sách kinh tế tăng trưởng hướng nội và theo đuổi chính sách kinh tế "hai giai đoạn" (dual track), trong đó nhấn mạnh vấn đề đẩy lùi đói nghèo, thúc đẩy nhu cầu trong nước, đẩy mạnh nền kinh tế nội địa gắn liền với việc phát triển các ngành trọng tâm, kết hợp với thúc đẩy mở cửa nền kinh tế nhằm hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế quốc tế. Chủ trương chính sách này của Thaksin được đánh giá rất cao và là một chính sách chiết trung, không phụ thuộc vào bất cứ một triết lý hay học thuyết kinh tế nào. Vì thế nó được gọi là Học thuyết kinh tế Thaksin (Thaksinomics) và được nhiều nước trong khu vực học tập như Philippin và Indônêxia, thậm chí cả Trung Quốc, đầu tàu tăng trưởng kinh tế của khu vực cũng cử các quan chức sang kiểm định thành công của học thuyết Thaksin hồi tháng 7 năm 2003. Học thuyết kinh tế Thaksin là một chiến lược kinh tế kết hợp giữa các yếu tố của mô hình EAEM (mô hình kinh tế Đông Á) nhấn mạnh phát triển sản xuất chế tạo thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài (giai đoạn 1), với các yếu tố hướng vào nền kinh tế nội địa thông qua phát triển các doanh nghiệp địa phương có sử dụng các nguồn lực trong nước

(giai đoạn 2). Giai đoạn 2 trong chiến lược phát triển kinh tế của Thaksin được coi là nổi bật và khác biệt so với các chiến lược kinh tế từ trước đến nay. Giống như trước đây, giai đoạn 1 hướng tới việc tạo ra nhiều việc làm có thu nhập cao và thu được nhiều ngoại tệ cho ngân sách nhà nước. Mặt khác, giai đoạn 2 lại tập trung vào các hoạt động kinh tế không cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc. Mục đích chính của Học thuyết kinh tế Thaksin là theo đuổi chủ trương dần chuyển nền kinh tế Thái Lan từ phụ thuộc vào xuất khẩu sang thị trường nội địa để kiểm soát hơn. Thaksin hy vọng quá trình này sẽ làm tăng tiêu dùng trong nước từ 55% lên 60% GDP, đồng thời giảm xuất khẩu từ 60% GDP xuống còn 50%. Điều này cũng phù hợp với thực tế hiện nay, đó là phần lớn các nước phát triển đều có tỷ lệ xuất khẩu trong GDP thấp hơn so với các nước Đông Á. Do đó họ ít bị tổn thương, ít bị ảnh hưởng bởi những cú sốc bên ngoài như khủng bố, dịch SARS hay sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ mấy năm gần đây.

Ý tưởng thúc đẩy nhu cầu nội địa trong ngắn hạn thông qua tăng chi tiêu của chính phủ đồng thời phát triển mới các ngành trong nước được xem là đa dạng hoá so với các hoạt động của mô hình EAEM. Bên cạnh đó, các chính sách tập trung phát triển thị trường nội địa có thể đạt được sự thay đổi cơ cấu thông qua việc hỗ trợ kinh doanh nhằm nâng cao dây chuyền gia tăng giá trị, do đó có thể cạnh tranh trực tiếp được với nền kinh tế Trung Quốc. Mặc dù các chính sách của Thaksin thường tập trung vào thị trường trong nước nhưng không vì thế mà coi nhẹ vai trò của nguồn vốn nước ngoài. Thực tế, Thái Lan vẫn cố gắng tìm mọi cách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI.

Các chính sách của Thaksin được coi như liều thuốc tốt cho căn bệnh của nền kinh tế trong nước, đó là áp dụng tỷ lệ lãi suất thấp, các kế hoạch chăm sóc sức khỏe miễn phí, các khoản cho vay ưu đãi cho người nghèo. Nhờ các chính sách này mà tỷ lệ đói nghèo đã giảm xuống gần 4% từ khi các chương trình của Thaksin được áp dụng từ đầu năm 2001. Thu nhập nông thôn tăng 11% năm 2002 và hơn 20% nửa đầu năm 2003<sup>(4)</sup>.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các chính sách này tỏ ra còn nhiều bất cập. Đây cũng là vấn đề phổ biến mà các nước khác đều không tránh khỏi. Chẳng hạn như trong chính sách kinh tế đối ngoại, mặc dù Thái Lan đã ký được rất nhiều các FTA với nhiều đối tác thương mại quan trọng của khu vực và thế giới, song các chuyên gia kinh tế cho rằng điều kiện trong nước và những cải cách của chính phủ vẫn chưa thể đáp ứng được yêu cầu và cam kết thực hiện các FTA này. Theo họ, động lực tự do hoá và cải cách cơ cấu thương mại vẫn diễn ra chậm chạp kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Á. Hàng rào thuế quan và phi thuế quan cần phải giảm hơn nữa, hệ thống luật đầu tư trực tiếp nước ngoài cần thông thoáng hơn nhằm lôi kéo nhiều hơn nữa nguồn vốn nước ngoài. Những biện pháp liên quan đến thương mại trong nước như quản lý thuế quan, các chuẩn mực kỹ thuật và an toàn thực phẩm, quản lý chính sách cạnh tranh và các doanh nghiệp nhà nước... vẫn mang nặng tính chuyên quyền, độc đoán khiến cho nền kinh tế ít có khả năng dự đoán trước. Quan trọng hơn là trong các cuộc đàm phán thương mại, chính phủ chuyển hướng quan tâm đến chính trị và chính sách đối ngoại nhiều hơn là lợi ích kinh tế. Có quá nhiều các cuộc đàm phán



và việc thực thi đôi khi lại vội vàng, không lường trước hết những thách thức cho nền kinh tế. Đáng tiếc nhất là các FTA mà chính phủ đàm phán và ký kết xem như ít có tính kinh tế, cụ thể là chủ trương đẩy mạnh khả năng tiếp cận các thị trường xuất khẩu đối với một số mặt hàng xuất khẩu của chính phủ Thái Lan nhằm bù đắp cho việc nhập khẩu một số mặt hàng khác hoá ra lại chính là duy trì và thực thi chính sách bảo hộ trong nước. Tính chất "coi nhẹ thương mại" này làm giảm khả năng cạnh tranh và tính hiệu quả của nền kinh tế Thái Lan.

Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn của Thủ tướng Thaksin được xem là trọng tâm và nổi bật nhất trong toàn bộ quá trình điều chỉnh chính sách kinh tế của Thái Lan từ sau khủng hoảng. Có thể nói, trong những thập niên gần đây, chưa bao giờ nông nghiệp và đời sống của người nông dân Thái lại được quan tâm nhiều đến như vậy. Thaksin đã bỏ ra rất nhiều ngân sách của chính phủ để thực hiện các chính sách dân túy của mình và dưới con mắt của người nông dân, ông là một người ưa hoạt động, gần dân, là người của công chúng và các chính sách của ông là một liều thuốc bổ giúp họ thoát được cảnh đói nghèo. Tuy nhiên, những chính sách này lại quá thiên lệch, quá chú trọng vào nông thôn, đặc biệt là vùng đông bắc Thái Lan, mà quên đi khu vực thành thị và miền nam Thái Lan vốn chứa đựng nhiều mâu thuẫn từ lâu, khiến cho người thành thị lại coi ông là kẻ chuyên quyền, tham nhũng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho chính quyền của Thaksin bị lật đổ sau này. Trên thực tế, những chính sách hướng về nông thôn của Thaksin như chi 30 bạt/người/năm khám bệnh miễn phí,

xoá nợ hay giãn nợ cho các doanh nghiệp địa phương, v.v... đã được thực hiện rất hạn chế, tham nhũng tăng cao, nguồn ngân sách cạn kiệt khiến cho nhiều người Thái rơi vào cảnh nợ nần. Chính sách phi tập trung hoá trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo của chính phủ mặc dù có mục đích tốt là gia tăng phạm vi kiểm soát của các cấp địa phương đối với các khoản chi tiêu của chính phủ nhưng dường như lại quá tham vọng về cấp độ phi tập trung hoá, tức là chỉ thực hiện phi tập trung hoá ở cấp huyện (khoảng 7000 huyện) với số dân ở mỗi huyện là rất ít (khoảng 5000 người) mà không phải là ở cấp tỉnh, dẫn đến tình trạng lãng phí các khoản chi công cộng mà chính phủ dành cho, tham nhũng địa phương cũng sẽ tăng lên, người dân nông thôn Thái Lan sẽ không có cơ hội tiếp cận được các dịch vụ giáo dục, y tế vốn rất cần thiết đối với họ do Hội đồng hành chính cấp huyện không được chuẩn bị một cách thoả đáng.

Cải cách chính sách tài chính, ngân hàng và chính sách cạnh tranh cũng gặp nhiều khó khăn do không được hỗ trợ về mặt chính trị. Việc tham gia của khu vực nhà nước vào nền kinh tế có xu hướng tăng lên, chủ yếu là do có sự nhượng bộ về mặt chính trị hơn là do yếu tố đầu tư của nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, bưu chính viễn thông và dầu khí. Tư nhân hoá luôn bị giới nghiệp đoàn và các nhà hoạt động xã hội phản đối do phải sắp xếp lại việc làm cho hàng triệu lao động, kéo theo nó là vấn đề tiền lương và phân phối thu nhập của các tầng lớp dân cư. Quan trọng hơn là do lợi ích của những người trong bộ máy chính trị bị ảnh hưởng vì chính họ lại là người quản lý và kiểm soát các doanh nghiệp nhà nước. Do đó, những dự án tư nhân hoá thường là

những công ty mà chính phủ cảm thấy dễ bán nhất như Nhà máy lọc dầu Bangchak, nhưng cũng không tránh khỏi làn sóng phản đối dữ dội của người lao động. Theo họ, nhà nước không nên tư nhân hoá hoàn toàn các công ty phục vụ mục đích công cộng mà nên giữ lại 70% tổng số vốn của những công ty này nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Tuy còn nhiều vấn đề phải xem xét lại nhưng nhìn chung những điều chỉnh chính sách kinh tế của chính phủ Thái Lan, đặc biệt chính phủ của Thaksin, đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp. Chỉ trong một thời gian ngắn, Thái Lan không những đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế tiền tệ hết sức nặng nề mà còn đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, vẫn duy trì được vai trò quan trọng trên diễn đàn kinh tế khu vực và quốc tế./

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Perrin (2003), *The Thaksin Effect - Is Thailand's Prime Minister Revolutionizing his country's economy or creating another bubble?*, reporting by Michael Schuman, Time Magazine, Oct 27, 2003.
2. George Wehrfritz (2006), *Growth or Happiness? Thailand's coup could derail a tiger economy*, Newsweek International Edition, <http://msnbc.msn.com>.
3. Pasuk Phongpaichit and Chris Baker (2000), *Thailand's Crisis*, ISEAS Xingapo and NIAS Copenhagen 2000.
4. Peter Brimble (2002), *Foreign Direct Investment: Performance and Attraction. The Case of Thailand*, Workshop on Foreign Direct Investment: Opportunities and Challenges for

Cambodia, Laos and Vietnam in Hanoi from August 16-17, 2002.

5. Peter Warr (2004), *Globalization, Growth, and Poverty Reduction in Thailand*, ASEAN Economic Bulletin, Vol 21 No 1, April 2004
6. Phạm Thị Thanh Bình (2001), *Cải cách tài chính - Ngân hàng Thái Lan sau khủng hoảng*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 5(73), 2001.
7. Somkiat Tangkitvanich and Deunden Nikomborirak (2003), *The Impact of External Changes and Japan's Role in Industrializing Thailand*, in Ryokichi Hirono (2003), *Regional Co-operation in Asia*, Asian Development Experience Vol 3, ISEAS Xingapo, 2003.
8. Suthiphand Chirathivat and Sothitorn Mallikamas (2004), *Thailand's FTA Strategy: Current Development and Future Challenges*, ASEAN Economic Bulletin, Vol 21 No 1, April 2004
9. Tarrin Nimmanahaeminda (2001), *Thailand's Reform Program for the Challenges Ahead*, <http://www.asiasociety.org>, 04/14/2001.
10. Trương Duy Hoà (2003), *Công nghiệp hoá nông nghiệp ở Thái Lan*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 300, tháng 5/2003.
11. World Bank, *Thailand Economic Monitor 2004 -2006*, WB Thailand Office, the World Bank 2004, 2006.
12. WTO (2003), *Trade Policy Review: Thailand, Report by the Government*, WT/TPR/123, 15 Oct 2003.

---

## CHÚ THÍCH

1. The World Bank Group
2. *Thailand Economic Monitor 2006*, World Bank
3. Tất cả số liệu phần này được trích từ *World Indicator Database*, April 2006.
4. Peter Warr (2004), *tài liệu đã dẫn*